

Số: 772/QĐ-ĐHQN

Bình Định, ngày 25 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo
trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 1842/QĐ ngày 21/12/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn; Quyết định số 02/HĐBT ngày 13/7/1981 về việc thành lập Trường Đại học Quy Nhơn; Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng trường đại học trong “Điều lệ trường đại học” ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo,

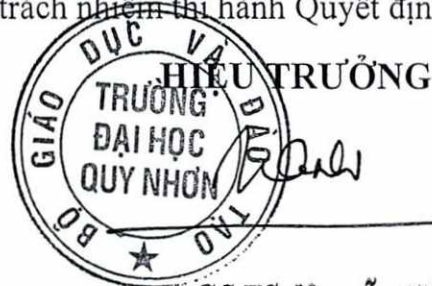
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành các Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của 37 ngành trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Các chương trình đào tạo này thay thế cho các chương trình giáo dục đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1523/QĐ-ĐHQN ngày 10/9/2010 và Quyết định số 3258/QĐ-ĐHQN ngày 13/12/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn.

Điều 3. Các Trưởng khoa, Trưởng đơn vị liên quan và toàn thể giảng viên, sinh viên thuộc Trường Đại học Quy Nhơn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTDH.



GS.TS. Nguyễn Hồng Anh

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 7172 ngày 25 tháng 12 năm 2015
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: **Đại học**
 Ngành đào tạo: **Giáo dục thể chất** Mã ngành: **D140206**
 Tên tiếng Anh: **Physical education**
 Loại hình đào tạo: **Chính quy**
 Hình thức đào tạo: **Tập trung**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân sư phạm Giáo dục Thể chất trình độ đại học, phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có kiến thức vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ Giáo dục thể chất và khoa học giáo dục; có kỹ năng sư phạm giảng dạy, huấn luyện và tổ chức các hoạt động Thể dục thể thao trong trường học; đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước; có chí hướng, có khả năng tự học, tự nghiên cứu..

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng học tiếp ở bậc đào tạo thạc sĩ và nghiên cứu sinh chuyên ngành GDTC ở các trường trong nước hoặc nước ngoài có đào tạo trình độ sau đại học chuyên ngành GDTC.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức:

Chương trình được thiết kế nhằm trang bị những kiến thức đại cương về khoa học xã hội và nhân văn, về khoa học tự nhiên cũng như kiến thức cơ bản và nền tảng của lĩnh vực hoạt động Giáo dục thể chất, có năng lực sư phạm đáp ứng được yêu cầu giảng dạy môn học Thể dục và tổ chức các hoạt động thể dục thể thao trong nhà trường.

Ngoại ngữ: Có trình độ tiếng Anh nội bộ tương đương A2.

1.2.2. Kỹ năng:

Có kỹ năng về nghiệp vụ sư phạm, vận dụng được những kiến thức về tâm lý, giáo dục học, phương pháp dạy học, các yêu cầu đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, thực hiện chương trình và kiểm tra đánh giá môn học giáo dục thể chất cho học sinh – sinh viên trong các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Có kỹ năng thực hành các môn thể thao trong chương trình đào tạo.

Có kỹ năng trong tổ chức và quản lý các hoạt động thể dục thể thao của nhà trường. Có kỹ năng triển khai và thực hiện công tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục thể chất.

1.2.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:

Có năng lực hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có khả năng tự đổi mới, tự bổ túc, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ hoặc học tiếp ở các bậc học cao học, nghiên cứu sinh đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

Có năng lực lập kế hoạch dạy học Giáo dục thể chất và tổ chức phong trào thể dục thể thao trong trường học, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn; có năng lực tự chủ và biết tự chịu trách nhiệm về công việc chuyên môn và nghề nghiệp của mình.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

2.1.1. Kiến thức chung

- Hiểu và biết vận dụng các kiến thức cơ bản của các môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh; có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; có sức khỏe tốt, đáp ứng được yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Có kiến thức đại cương có liên quan đến ngành học để tiếp thu tốt các kiến thức cơ sở và chuyên ngành cũng như có khả năng học tập ở trình độ cao hơn.

2.1.2. Kiến thức chuyên ngành

- Có kiến thức các môn cơ sở ngành, nghiệp vụ sư phạm ngành Giáo dục thể chất.
- Có kiến thức các môn thể thao chuyên ngành.
- Có kiến thức cơ bản về phương pháp NCKH trong lĩnh vực GDTC.
- Có kiến thức, kỹ năng cơ bản tổ chức hoạt động công tác Đoàn, Đội.
- Có kiến thức cơ bản về Giáo dục quốc phòng – An ninh

2.1.3. Kiến thức bổ trợ

- Đạt trình độ Tiếng Anh theo chuẩn của Trường Đại học Quy Nhơn.
- Có kiến thức tin học tương đương trình độ B, biết vận dụng tốt kiến thức công nghệ thông tin trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng cứng

- Có năng lực thực hiện chương trình, tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá môn học giáo dục thể chất (Thể dục) cho học sinh - sinh viên trong các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Có kỹ năng thực hành các môn thể thao trong chương trình đào tạo.

- Có kỹ năng tổ chức và quản lý các hoạt động thể dục thể thao trong nhà trường .
- Có kỹ năng tổ chức thi đấu và trọng tài các môn thể thao.
- Có khả năng thực hiện công tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Giáo dục thể chất và Thể dục Thể thao.
- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử sư phạm trong quá trình giảng dạy, quản lý, giáo dục học sinh, sinh viên.

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Có năng lực làm tốt công tác chủ nhiệm lớp.
- Có kỹ năng tổ chức, điều hành các hoạt động tập thể, công tác Đoàn, Đội....
- Biết kết hợp, vận dụng linh hoạt các kỹ năng “cứng” và kỹ năng “mềm” trong triển khai và giải quyết các công việc liên quan đến hoạt động giáo dục.

2.3. Yêu cầu về thái độ, đạo đức nghề nghiệp

2.3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Có lập trường tư tưởng vững vàng, có đạo đức và nếp sống lành mạnh, say mê nghề nghiệp; nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là đường lối của Đảng trong lĩnh vực Thể dục thể thao.
- Có phẩm chất đạo đức tốt, nhận thức và ứng xử theo các nguyên tắc và các chuẩn mực của đạo đức xã hội.
- Trung thực, quyết đoán, có tinh thần vượt khó, cầu tiến.

2.3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Không ngừng trau dồi chuyên môn, nâng cao năng lực nghề nghiệp. Có ý thức tổ chức kỷ luật, tự giác và tận tụy; luôn có ý thức vươn lên trong công việc.
- Có tính tự chủ, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm cao với công việc được giao.
- Có phương pháp làm việc khoa học, biết phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy, lập luận.
- Luôn ý thức được trách nhiệm cá nhân và thể hiện đầy đủ trách nhiệm đó trong công việc.
- Có tinh thần đoàn kết, thái độ thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp và cá nhân trong và ngoài đơn vị.

2.3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Có ý thức về vị trí, vai trò của nghề nghiệp

- Có trách nhiệm công dân đối với sự phát triển của ngành nghề và toàn xã hội.

2.4. Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng làm công tác giảng dạy môn học TDTT ở các bậc học thuộc hệ thống Giáo dục quốc dân; là cán bộ chuyên môn trong các cơ quan quản lý nhà nước hoặc cơ quan quản lý xã hội về TDTT; hoặc tổ chức hướng dẫn hoạt động thể dục thể thao cho mọi người tại các đơn vị TDTT cơ sở, các câu lạc bộ TDTT.

2.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) thuộc đúng chuyên ngành hoặc học chuyển đổi một số học phần để học chuyên ngành khác thuộc khối ngành thể dục thể thao tại các trường.

3. Thời gian đào tạo và Khối lượng kiến thức

3.1. Thời gian đào tạo

Đào tạo 4 năm, chia thành 8 học kỳ.

3.2. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 140 tín chỉ

- Khối kiến thức chung (không tính các học phần môn GDQP-AN): 22TC;
- Khối kiến thức chuyên ngành: 85 tín chỉ;
- Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực Sư phạm: 26 tín chỉ;
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế : 7 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành (tại thời điểm tuyển sinh).

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn.

6. Thang điểm

Theo Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn.

7. Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					LT	BT	TL						
I. Khối kiến thức chung 22 TC (không tính các học phần điều kiện GDTC, GDQP-AN)													
1	1130045	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin 1	1	2	20		20			50		GDCT&QLNN	
2	1130046	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin 2	2	3	30		30			75	1130045	GDCT&QLNN	
3	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	2	20		20			50	1130046	GDCT&QLNN	
4	1130013	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	4	3	30		30			75	1130091	GDCT&QLNN	
5	1130049	Pháp luật đại cương	3	2	20		20			50	1130045	GDCT&QLNN	
6	1090061	Tiếng Anh 1	1	3	30	15				90		NN	
7	1090166	Tiếng Anh 2	2	4	40	20				120	1090061	NN	
8	1050071	Tin học đại cương	2	3	24	6		30		75		CNTT	
Các học phần điều kiện (GDTC, GDQP-AN) 8 TC													
9	1120095	Giáo dục quốc phòng-An ninh 1	2	3	40		10			85		GDTC-QP	
10	1120096	Giáo dục quốc phòng-An ninh 2	2	2	25		10			55		GDTC-QP	
11	1120097	Giáo dục quốc phòng-An ninh 3	2	3	17			28		48		GDTC-QP	
II. Khối kiến thức chuyên ngành 85 TC													
Các học phần bắt buộc 76TC													
12	1120137	Đo lường thể dục thể thao	3	3	45					90		GDTC-QP	
13	1040227	Giải phẫu và Sinh lý người	1	3	43	2				90		Sinh KTN	
14	1120055	Sinh cơ Thể dục thể thao	5	2	30					60		GDTC-QP	
15	1120070	Vệ sinh thể dục thể thao	2	2	30					60		GDTC-QP	
16	1120125	Sinh lý thể dục thể thao	3	4	60					120		GDTC-QP	
17	1120074	Y học thể dục thể thao	4	3	45					90		GDTC-QP	
18	1120042	Lịch sử thể dục thể thao và lịch sử Olympic	5	2	30					60		GDTC-QP	
19	1120052	Quản lý thể dục thể thao	7	2	30					60		GDTC-QP	
20	1120126	Điền kinh và phương pháp giảng dạy 1	1	4	15			45		52,5		GDTC-QP	
21	1120127	Điền kinh và phương pháp giảng dạy 2	2	4	15			45		52,5	1120126	GDTC-QP	
22	1120128	Thể dục và phương pháp giảng dạy 1	1	4	15			45		52,5		GDTC-QP	
23	1120129	Thể dục và phương pháp giảng dạy 2	2	4	15			45		52,5	1120128	GDTC-QP	
24	1120028	Bóng đá và phương pháp giảng dạy	6	4	15			45		52,5		GDTC-QP	
25	1120085	Bóng chuyền và phương pháp giảng dạy	6	4	15			45		52,5		GDTC-QP	
26	1120130	Đá cầu và phương pháp giảng dạy	3	4	15			45		52,5		GDTC-QP	
27	1120131	Bóng rổ và phương pháp	7	4	15			45		52,5		GDTC-QP	

		giảng dạy											
28	1120086	Cầu lông và phương pháp giảng dạy	5	4	15			45		52,5			GDTC-QP
29	1120021	Bơi và phương pháp giảng dạy	4	4	15			45		52,5			GDTC-QP
30	1120132	Bóng ném và phương pháp giảng dạy	7	3	15			30		45			GDTC-QP
31	1120024	Bóng bàn và phương pháp giảng dạy	5	3	15			30		45			GDTC-QP
32	1120133	Cờ vua và phương pháp giảng dạy	2	3	15			30		45			GDTC-QP
33	1120134	Trò chơi vận động và phương pháp giảng dạy	4	3	15			30		45			GDTC-QP
Tự chọn (chọn 1 trong 3 HP - 3/9HP)			5										
34	1120101	Võ thuật và phương pháp giảng dạy Taekwondo		3	15			30		45			GDTC-QP
35	1120102	Võ thuật và phương pháp giảng dạy Karatedo		3	15			30		45			GDTC-QP
36	1120103	Võ thuật và phương pháp giảng dạy Võ cổ truyền Việt nam		3	15			30		45			GDTC-QP
Nhóm học phần tự chọn: chọn 1 trong 6 nhóm chuyên sâu 9/54 tín chỉ													
Nhóm 1													
37	1120104	Bóng chuyền 1	5	3	15			30		45			GDTC-QP
38	1120105	Bóng chuyền 2	6	3	15			30		45	1120104		GDTC-QP
39	1120106	Bóng chuyền 3	7	3	15			30		45	1120105		GDTC-QP
Nhóm 2													
40	1120107	Bóng đá 1	5	3	15			30		45			GDTC-QP
41	1120108	Bóng đá 2	6	3	15			30		45	1120107		GDTC-QP
42	1120109	Bóng đá 3	7	3	15			30		45	1120108		GDTC-QP
Nhóm 3													
43	1120110	Bóng bàn 1	5	3	15			30		45			GDTC-QP
44	1120111	Bóng bàn 2	6	3	15			30		45	1120110		GDTC-QP
45	1120112	Bóng bàn 3	7	3	15			30		45	1120111		GDTC-QP
Nhóm 4													
46	1120113	Cầu lông 1	5	3	15			30		45			GDTC-QP
47	1120114	Cầu lông 2	6	3	15			30		45	1120113		GDTC-QP
48	1120115	Cầu lông 3	7	3	15			30		45	1120114		GDTC-QP
Nhóm 5													
49	1120116	Bóng rổ 1	5	3	15			30		45			GDTC-QP
50	1120117	Bóng rổ 2	6	3	15			30		45	1120116		GDTC-QP
51	1120118	Bóng rổ 3	7	3	15			30		45	1120117		GDTC-QP
Nhóm 6													
52	1120119	Võ thuật 1	5	3	15			30		45			GDTC-QP
53	1120120	Võ thuật 2	6	3	15			30		45	1120119		GDTC-QP
54	1120121	Võ thuật 3	7	3	15			30		45	1120120		GDTC-QP
III. Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực Sư phạm 26TC (chỉ dùng cho các ngành sư phạm)													
Kiến thức cơ sở chung 7TC													

Học kỳ 6

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
1	1120138	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	3				60		30		GDTC-QP	
2	1120043	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	4	60					120		GDTC-QP	
3	1120028	Bóng đá và phương pháp giảng dạy	4	15			45		52,5		GDTC-QP	
4	1120136	Thực tế thể dục thể thao	6	1				TT				
5	1120085	Bóng chuyền và phương pháp giảng dạy	4	15			45		52,5		GDTC-QP	
<i>Chọn 1 trong 6 học phần (3/18 TC)</i>			3	15			30		52,5			
6	1120105	Bóng chuyền 2	3	15			30			1120104	GDTC-QP	
7	1120111	Bóng bàn 2	3	15			30			1120110	GDTC-QP	
8	1120108	Bóng đá 2	3	15			30			1120107	GDTC-QP	
9	1120114	Cầu lông 2	3	15			30			1120113	GDTC-QP	
10	1120117	Bóng rổ 2	3	15			30			1120116	GDTC-QP	
11	1120120	Võ thuật 2	3	15			30			1120119	GDTC-QP	
Tổng cộng:			19									

Học kỳ 7

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
1	1120065	Thực tập Sư phạm 1	1				30	TT			GDTC-QP	
2	1120132	Bóng ném và phương pháp giảng dạy	3	15			30		45		GDTC-QP	
3	1120046	Lý luận và phương pháp Thể thao trường học	2	30					60		GDTC-QP	
4	1120052	Quản lý thể dục thể thao	2	30					60		GDTC-QP	
5	1120131	Bóng rổ và phương pháp giảng dạy	4	15			45		52,5		GDTC-QP	
<i>Chọn 1 trong 6 học phần (3/18 TC)</i>			3	15			30		45			
6	1120106	Bóng chuyền 3	3	15			30			1120105	GDTC-QP	
7	1120112	Bóng bàn 3	3	15			30			1120111	GDTC-QP	
8	1120109	Bóng đá 3	3	15			30			1120108	GDTC-QP	
9	1120115	Cầu lông 3	3	15			30			1120114	GDTC-QP	
10	1120118	Bóng rổ 3	3	15			30			1120117	GDTC-QP	

11	1120121	Võ thuật 3	3	15			30			1120120	GDTC-QP	
Tổng cộng:			15									

Học kỳ 8

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
1	1120066	Thực tập Sư phạm 2	5								GDTC-QP	
Khóa luận tốt nghiệp, HP thay thế KLTN (7TC)			7									
2	1120077	Khóa luận tốt nghiệp	7								GDTC-QP	
<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (7TC)</i>												
1	1120122	Phương pháp XD kế hoạch GDTC trong trường phổ thông	2	30				60			GDTC-QP	
2	1120123	Tuyển chọn và huấn luyện VĐV thể thao trong trường học	3	45				90			GDTC-QP	
3	1120124	Giao tiếp sư phạm	2	30				60			GDTC-QP	
Tổng cộng:			7									

9. Mô tả văn tắt nội dung và khối lượng các học phần:

9.1 Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 (MHP:1130045): 2 TC

- Học phần được cấu trúc thành 4 chương, bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của Mác-Lênin.

- Trang bị cho người học những kiến thức về những nguyên lý, những quy luật chung nhất về tự nhiên, về xã hội và về tư duy trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin.

- Giúp cho người học nắm vững những nội dung cơ bản của thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

- Biết sử dụng thế giới quan, phương pháp luận của triết học Mác – Lênin để nhằm xác lập cơ sở lý luận tiếp cận các môn học: những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam, đồng thời biết vận dụng nó một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức khoa học, giải quyết những vấn đề cấp bách của thực tiễn đất nước và thời đại.

- Giúp người học xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng theo hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.2 Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 (MHP:1130046): 3 TC

Học phần gồm 6 chương được chia thành hai phần, *phần thứ nhất* có 3 chương cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa (học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước); *phần thứ hai* có 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

- Trang bị cho người học khả năng vận dụng những kiến thức của môn học làm cơ sở để nghiên cứu, học tập những môn học khoa học chuyên ngành.

- Trang bị cho người học cơ sở phương pháp luận để nhận thức đúng, giải thích đúng tình hình kinh tế hiện nay, nâng cao trình độ hiểu biết về đường lối chính sách kinh tế của Đảng, góp phần đổi mới tư duy kinh tế. Trên cơ sở đó xây dựng niềm tin khoa học vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường phát triển của đất nước, nâng cao lập trường quan điểm của giai cấp công nhân. Trên cơ sở lý luận để phê phán những quan điểm lập trường sai lầm.

9.3 Tư tưởng Hồ Chí Minh (MHP: 1130091): 2 TC

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

- Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, nhân văn Hồ Chí Minh.

- Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Cùng với môn học *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.

- Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

9.4 Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (MHP:1130013): 3 TC

- Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là hệ thống các quan điểm, chủ trương, chính sách về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp của cách mạng Việt Nam. Đường lối cách mạng thể hiện qua cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Ngoài chương mở đầu, nội dung học phần gồm 8 chương: Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hoá; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

- Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về sự lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng và các lĩnh vực cụ thể trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta.

- Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin. Cùng với các môn học *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, tư tưởng Hồ Chí Minh, tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.

9.5 Pháp luật đại cương (MHP: 1130049): 2 TC

- Nội dung gồm các vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

- Trang bị cho người học kiến thức đại cương về các vấn đề: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, các kiểu nhà nước; Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, các kiểu pháp luật; Cơ chế điều chỉnh pháp luật.

- Trang bị cho người học kiến thức đại cương về: Hệ thống pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam; Các ngành luật trong Hệ thống pháp luật Việt Nam; Một số ngành luật có liên quan đến chuyên ngành đào tạo.

9.6 Tiếng Anh 1 (MHP:1090061): 3 TC

- Kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh người học đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng và là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn, *Tiếng Anh 1* nhằm vào các mục tiêu sau đây:

+ *Hệ thống lại và trang bị thêm cho người học những kiến thức cơ bản và thông dụng nhất về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng văn bản và giao tiếp tiếng Anh.*

+ *Học phần không đi sâu mô tả và phân tích các yếu tố ngôn ngữ và văn hóa mà chỉ xoay sâu vào việc giúp người học hiểu và vận dụng được những yếu tố văn hóa, ngôn ngữ thông dụng nhất để phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh.*

+ *Tập trung vào việc giúp người học rèn luyện và phát triển ngữ năng giao tiếp, nhất là các kỹ năng đàm thoại trong các tình huống thông dụng và kỹ năng đọc - viết cơ bản.*

9.7 Tiếng Anh 2 (MHP: 1090166): 4 TC

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần *Tiếng Anh 1*, *Tiếng Anh 2* bổ sung các cấu trúc ngữ pháp đã học, mở rộng và so sánh các cấu trúc này với nhau, đồng thời trình bày rõ các điểm ngữ pháp quan trọng như *phrasal verbs*, *linking words* và *collocations*, v.v. với mục đích giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn.

9.8 Tin học đại cương (MHP:1050071): 3 TC

Cung cấp cho người học *những hiểu biết cơ bản về tin học và các ứng dụng tin học văn phòng.*

- *Phần những hiểu biết cơ bản về tin học* trình bày các kiến thức như thông tin và biểu diễn thông tin trong máy tính; Hệ thống máy tính với phần cứng và phần mềm; Các khái niệm về hệ điều hành; Sử dụng hệ điều hành Windows; Sử dụng tiếng Việt trong Windows; Sử dụng Internet và E-mail nhằm giúp người học tìm kiếm và trao đổi thông tin trên Internet; Và cuối cùng là bảo vệ thông tin và phòng chống virus máy tính.

- *Phần các ứng dụng tin học văn phòng* trình bày cách sử dụng ba phần mềm thông dụng của Microsoft là MS Word, MS Excel và MS Powerpoint.

9.10 Giáo dục quốc phòng – An ninh 1, 2, 3: (MHP: 1120095, 096, 097): 7TC

Nội dung môn học được ban hành tại Quyết định số 40/2012/QĐ – BGD&ĐT ngày 19/11/2012 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục quốc phòng – An ninh

9.11 Đo lường thể dục thể thao (MHP:1120137): 3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung môn học bao gồm: Thu thập và chỉnh lý các số liệu thống kê, phương pháp tính toán các tham số thống kê, phương pháp kiểm nghiệm thống kê, tương quan tuyến tính và hồi qui. Môn học này đặc biệt chú trọng đến việc giúp sinh viên có được một số kỹ năng cơ bản sử dụng phần mềm thống kê để sử dụng số liệu, biết cách áp dụng vào thực tế giảng dạy. Các tri thức lý luận cơ sở của đo lường TĐTT và phương pháp đánh giá thường dùng, phương pháp đo lường các chỉ tiêu hình thái thực hiện đo. Trong đó trọng điểm giảng dạy là phương pháp đánh giá và phương pháp đo lường các chỉ tiêu hình thái giúp sinh viên có được một số kỹ năng cơ bản về cách đo lường ứng dụng vào thực tế giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

9.12 Giải phẫu người và Sinh lý người (MHP: 1040227): 3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung môn học bao gồm: Hình thái, cấu trúc, chức năng cơ bản của các cơ quan hệ thống cơ thể người bình thường, mối quan hệ giữa hình thái, cấu trúc và công năng. Hoạt động cơ bản của từng phần và chỉnh thể. Ảnh hưởng của tập luyện TĐTT đến các cơ quan, đặc biệt là hệ vận động. Là học phần cơ sở để học các nội dung về sinh lý học, sinh cơ, sinh hóa trong vận động, vệ sinh TĐTT và y học TĐTT.

9.13 Sinh cơ thể dục thể thao (MHP: 1120055): 2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vận động tĩnh lực, động lực, lực quay, lực dòng chảy của vận động cơ thể. Kiểm tra về xử lý số liệu sinh cơ thể thao. Đặc tính sinh cơ của xương và cơ bắp. Nguyên lý cơ bản của hoạt động và sinh cơ của kỹ thuật động tác ở người.

9.14 Vệ sinh thể dục thể thao (MHP: 1120070): 2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về y học và vệ sinh trong tập luyện, kiểm tra hình thái, các chức năng và hoạt động để tăng cường sức khỏe, phòng tránh, khắc phục một số hiện tượng xấu trong hoạt động TĐTT.

9.15 Sinh lý thể dục thể thao (MHP: 1120125): 4TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý người

Giảng dạy về chức năng cơ bản của hệ thống cơ quan cơ thể và mối quan hệ lẫn nhau của các hệ thống cơ quan cơ thể. Ảnh hưởng của hoạt động đối với cơ bắp, xương, tim mạch, hô hấp, tuyến nội tiết và sự thích ứng của các hệ thống trên đối với vận động. Giới thiệu nội dung của việc trao đổi chất ưa khí, yếm khí và hình thành kỹ năng vận động, học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sinh lý cơ thể trong hoạt động TĐTT, đặc điểm sinh lý lứa tuổi và những hiểu biết về ảnh hưởng sinh lý của các môn thể thao đối với cơ thể.

9.16 Y học thể dục thể thao (MHP: 1120074): 3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về y học và vệ sinh học, kiểm tra cơ thể, đánh giá chức năng, thể dục vệ sinh, các bệnh mang tính vận động. Theo dõi y học, xoa bóp, vệ sinh dinh dưỡng, xử lý dự phòng các thao tác vận động. Các chấn thương thường gặp, thể dục chữa bệnh, nắm vững lý luận cơ bản, phương pháp thao tác cơ bản của xoa bóp đồng thời có thể ứng dụng vào thực tế.

9.17 Lịch sử thể dục thể thao và lịch sử Ôlimpic (MHP: 1120042): 2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học bao gồm lịch sử TDTT thế giới, phong trào Olympic, lịch sử TDTT Việt Nam.... Đây là học phần cơ sở để sinh viên hiểu được một cách hệ thống quá trình lịch sử phát sinh, phát triển của TDTT trong và ngoài nước, bồi dưỡng cho sinh viên quan điểm duy vật lịch sử để nhận thức hiện tượng lịch sử TDTT, có năng lực phân tích các qui luật cơ bản, sự diễn biến trong quá trình phát triển TDTT.

9.18 Quản lý thể dục thể thao (MHP: 1120052): 2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học bao gồm: Nguyên tắc, phương pháp, nội dung quản lý hoạt động nghiệp vụ TDTT về thể thao trường học, huấn luyện thể thao, thể thao quần chúng,... Bồi dưỡng cho sinh viên năng lực và phân tích, giải quyết các vấn đề cụ thể. Giới thiệu các hoạt động tâm lý và qui luật của nó trong giao tiếp của quá trình quản lý. Khái niệm cấu trúc qui hoạch tổng thể, phân tích hệ thống quản lý, sự phát triển của hệ thống thông tin quản lý. Mối quan hệ của TDTT với kinh tế.

9.19 Kỹ thuật Điền kinh và phương pháp giảng dạy 1 (MHP: 1120126): 4TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trình bày các kiến thức cơ bản về môn Điền kinh, nguyên tắc kỹ thuật, nguyên lý giảng dạy huấn luyện, Luật thi đấu Điền kinh. Sinh viên được trang bị tri thức lý luận cơ bản của môn Điền kinh và các kỹ thuật của một số môn Điền kinh chủ yếu, bồi dưỡng kỹ năng cơ bản cho sinh viên, phát triển các tố chất thể lực đặt nền móng tốt cho việc học tập các môn thực hành khác.

9.20 Kỹ thuật Điền kinh và phương pháp giảng dạy 2 (MHP: 1120127): 4TC

Điều kiện tiên quyết: Điền kinh 1

Học phần trình bày các kiến thức cơ bản về môn Điền kinh, nguyên tắc kỹ thuật, nguyên lý giảng dạy và huấn luyện, Luật thi đấu Điền kinh. Sinh viên được trang bị tri thức lý luận cơ bản của môn Điền kinh và các kỹ thuật của một số môn Điền kinh chủ yếu, bồi dưỡng kỹ năng cơ bản cho sinh viên, phát triển các tố chất thể lực đặt nền móng tốt cho việc học tập các môn thực hành khác.

9.21 Thể dục và phương pháp giảng dạy 1 (MHP: 1120128): 4TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này cung cấp cho sinh viên hệ thống các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn các kỹ thuật cơ bản và phương pháp tập luyện, phương pháp giảng dạy môn Thể dục. Nội dung học bao gồm: Thể dục cơ bản phát triển chung, đội hình đội ngũ, thể dục tự do, thể dục nhịp điệu, xà đơn, xà kép, xà lệch, phối hợp với việc tập luyện nâng cao tố chất thể lực và thể hình chung.

9.22 Thể dục và phương pháp giảng dạy² (MHP: 1120129): 4TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục 1

Học phần này cung cấp cho sinh viên hệ thống các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn các kỹ thuật cơ bản và phương pháp tập luyện, phương pháp giảng dạy môn Thể dục. Nội dung học bao gồm: Thể dục cơ bản phát triển chung, đội hình đội ngũ, thể dục tự do, thể dục nhịp điệu, xà đơn, xà kép, xà lệch, phối hợp với việc tập luyện nâng cao tố chất thể lực và thể hình chung.

9.23 Bóng đá và phương pháp giảng dạy (MHP: 1120028): 4TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý luận, nguyên lý kỹ thuật, chiến thuật cơ bản, luật của môn Bóng đá, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài Bóng đá.

9.24 Bóng chuyền và phương pháp giảng dạy (MHP: 1120085): 4TC

Điều kiện tiên quyết: không

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý luận, luật thi đấu, kỹ chiến thuật chủ yếu của môn Bóng chuyền, giới thiệu các tri thức có liên quan tới sự phát triển của môn bóng chuyền, phương pháp dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và thi đấu.

9.25 Đá cầu và phương pháp giảng dạy (MHP: 1120130): 4TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý kỹ chiến thuật môn Đá cầu; phương pháp tổ chức và trọng tài một giải Đá cầu ở trường học, phương pháp dạy môn Đá cầu.

9.26 Bóng rổ và phương pháp giảng dạy (MHP: 1120131): 4TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Trang bị tri thức lý luận cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm (kỹ thuật, chiến thuật, luật, trọng tài và tổ chức thi đấu) thực hành các kỹ thuật chuyên bóng, ném rổ, dẫn bóng, phòng thủ đột phá và một số các phối hợp trọng điểm trong phối hợp cơ sở công thủ; phương pháp giảng dạy môn Bóng rổ.

9.27 Cầu lông và phương pháp giảng dạy (MHP: 1120086): 4TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên một cách tương đối toàn diện kỹ, chiến thuật Cầu lông, lý luận cơ bản và phương pháp giảng dạy, phương pháp trọng tài Cầu lông.

9.28 Bơi lội và phương pháp giảng dạy (MHP:1120021): 4TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho sinh viên các tri thức cơ bản của môn bơi lội, làm cho sinh viên nắm vững kỹ thuật kiểu bơi Éch, bơi Trườn sấp, bơi ngửa, đồng thời có năng lực giảng dạy thị phạm, tổ chức thi đấu và trọng tài.

9.29 Bóng ném và phương pháp giảng dạy (MHP: 1120132): 3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ, chiến thuật, luật thi đấu, cách tổ chức và trọng tài môn Bóng ném; phương pháp giảng dạy và huấn luyện môn Bóng ném.

9.30 Bóng bàn và phương pháp giảng dạy (MHP: 1120024): 3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên về tri thức cơ bản và kỹ thuật cơ bản của môn Bóng bàn, giúp sinh viên nắm vững kỹ thuật cơ bản và phương pháp giảng dạy cơ bản và tri thức, năng lực trọng tài.

9.31 Cờ vua và phương pháp giảng dạy (MHP: 1120133): 3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về môn Cờ vua, luật thi đấu, cách tổ chức thi đấu và trọng tài, phương pháp giảng dạy Cờ vua.

9.32 Trò chơi vận động (MHP: 1120134): 3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cần thiết và những trò chơi cụ thể để có thể tiến hành các giờ dạy thể dục một cách sinh động, hấp dẫn và đạt hiệu quả cao.

9.33 Võ thuật và phương pháp giảng dạy (MHP: 1120101, 0102, 0103): 3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản một số môn võ phổ cập: Võ Taekwondo, Karatedo, võ Cổ truyền Việt Nam; phương pháp giảng dạy và trọng tài môn võ. Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể xây dựng phát triển phong trào tập luyện võ thuật trong trường học.

9.34 Bóng chuyền 1,2,3 (MHP: 1120104, 1120105, 1120106): 9TC

Điều kiện tiên quyết: Bóng chuyền và phương pháp giảng dạy

Trang bị cho sinh viên toàn diện các kỹ chiến thuật chủ yếu cơ bản của môn Bóng chuyền. Học và nắm vững chiến thuật, kỹ thuật mới của môn Bóng chuyền, tìm hiểu một cách hệ thống lịch sử phát triển của môn Bóng chuyền trong và ngoài nước. Trang bị tri thức lý luận kỹ chiến thuật, phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện kỹ, chiến thuật chủ yếu của môn Bóng chuyền; phương pháp thi đấu, chỉ đạo thi đấu môn Bóng chuyền.

9.35 Bóng đá 1,2,3 (MHP: 1120107, 1120108, 1120109): 9TC

Điều kiện tiên quyết: Bóng đá và phương pháp giảng dạy

Trang bị cho sinh viên nắm vững tương đối toàn diện lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng đá. Tìm hiểu động thái phát triển môn Bóng đá, nâng cao kỹ, chiến thuật mang tính tổng hợp của Bóng đá. Trang bị phương pháp dạy học, năng lực trọng tài, năng lực và kỹ xảo, tổ chức giảng dạy.

9.36 Bóng bàn 1,2,3 (MHP: 1120110,1120111, 1120002): 9TC

Điều kiện tiên quyết: Bóng bàn và phương pháp giảng dạy

Trang bị cho sinh viên kỹ chiến thuật cơ bản của môn Bóng bàn, giúp sinh viên nắm vững kỹ thuật cơ bản. Nâng cao kỹ, chiến thuật mang tính tổng hợp của Bóng bàn và phương pháp dạy học, năng lực trọng tài, năng lực và kỹ xảo, tổ chức giảng dạy.

9.37 Cầu lông 1,2,3 (MHP: 1120113, 1120114, 1120115): 9TC

Điều kiện tiên quyết: Cầu lông và phương pháp giảng dạy

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản môn Cầu lông, nâng cao trình độ kỹ chiến thuật cơ bản, tri thức lý luận cơ bản của môn Cầu lông, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức và trọng tài môn Cầu lông, bồi dưỡng năng lực huấn luyện kỹ, chiến thuật chủ yếu của môn Cầu lông.

9.38 Bóng rổ 1, 2 ,3 (MHP: 1120116, 1120117, 1120118): 9TC

Điều kiện tiên quyết: Bóng rổ và phương pháp giảng dạy

Trang bị cho sinh viên toàn diện các kỹ chiến thuật chủ yếu cơ bản của môn Bóng rổ. Học và nắm vững chiến thuật, kỹ thuật mới của môn Bóng rổ, tìm hiểu một cách hệ thống lịch sử phát triển của môn Bóng rổ. Trang bị tri thức lý luận kỹ chiến thuật, phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện kỹ, chiến thuật chủ yếu của môn Bóng rổ.

9.39 Võ thuật 1,2,3 (MHP: 1120119, 1120120, 1120121): 9TC

Điều kiện tiên quyết: Kỹ thuật Bóng chuyên và phương pháp giảng dạy

Trang bị cho sinh viên kỹ chiến thuật cơ bản của môn Võ thuật, giúp sinh viên nắm vững kỹ thuật cơ bản. Nâng cao kỹ, chiến thuật mang tính tổng hợp của Võ thuật và phương pháp dạy học, năng lực trọng tài, năng lực và kỹ xảo, tổ chức giảng dạy

9.40 Tâm lý học (MHP: 1100086): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung môn học bao gồm: những kiến thức cơ bản về tâm lý học đại cương, tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm. Tâm lý học đại cương trình bày khái quát về hiện tượng tâm lý con người; nguồn gốc và bản chất của các hiện tượng tâm lý; các yếu tố tác động đến sự hình thành và biểu hiện của hiện tượng tâm lý người. Tâm lý học lứa tuổi mô tả khái quát về đặc điểm các giai đoạn phát triển của cá nhân từ sơ sinh đến trưởng thành. Tâm lý học sư phạm trình bày những cơ sở tâm lý học của các hoạt động dạy học và giáo dục trẻ em.

9.41 Giáo dục học (MHP: 1100019): 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học

Nội dung môn học bao gồm: những kiến thức cơ bản, đại cương về giáo dục, các khái niệm, phạm trù, nguyên tắc và phương pháp cơ bản của giáo dục nói chung và của lý luận dạy học nói riêng; vận dụng những kiến thức trên vào việc dạy và tổ chức giáo dục ở các trường phổ thông.

9.42 Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất (MHP: 1120043): 4TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Trang bị cho sinh viên hệ thống lý luận và phương pháp GDTC nói chung, trong trường học nói riêng, từ đó hình thành ở sinh viên các năng lực, phẩm chất nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng vận dụng tri thức đã học vào thực tiễn học tập nâng cao thành tích chuyên môn ở trường và trong quá trình giảng dạy và huấn luyện TDTT sau này.

Nội dung môn học bao gồm: Những kiến thức cơ bản về TDTT, các khái niệm, bản chất các phương tiện GDTC, các nguyên tắc giảng dạy động tác, phương pháp giảng dạy động tác, các hình thức tổ chức giữa thể dục và huấn luyện thể thao.

9.43 Lý luận và phương pháp thể thao trường học (MHP: 1120046): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Trang bị các kiến thức cơ bản về lý luận, phương pháp giảng dạy TDTT trong nhà trường phổ thông các cấp, làm cho học sinh nắm được xu thế cơ bản và tình hình phát triển của TDTT trường học. Hiểu rõ được tính chất vị trí, chức năng mục tiêu của TDTT trường học, nắm vững một cách toàn diện các tri thức cơ bản và kỹ năng thực tế trong việc triển khai các mặt công tác TDTT trường học, đặt nền móng lý luận cho việc giảng dạy TDTT sau này.

9.44 Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao (MHP: 1120135): 3TC

Nội dung bao gồm: Những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu khoa học cũng như cấu trúc lôgic của một công trình khoa học; các thao tác nghiên cứu khoa học, xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa học; phương pháp trình bày một báo cáo khoa học; viết được một công trình khoa học và bước đầu biết vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở đại học.

9.45 Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (MHP: 1120138): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: lý luận và phương pháp TDTT

Nội dung môn học gồm: Nhằm củng cố, hệ thống hóa những kiến thức đã học, rèn luyện các kỹ năng cụ thể của dạy học, kỹ năng tự bồi dưỡng góp phần hình thành trình độ nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên, chuẩn bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản, cần thiết cho các hoạt động dạy học.

9.46 Thực tế thể dục thể thao (MHP: 1120136): 1TC

Điều kiện tiên quyết: không

Thực tế thể dục thể thao là sinh viên được đến các đơn vị cơ sở thể thao được hướng dẫn của cán bộ giảng dạy thể thao có kinh nghiệm, chuyên môn mà sinh viên đã có cơ hội tiếp cận với các nội dung thể thao được nghe ở lớp, nối kết lý thuyết và thực tế, nhất là phát triển thái độ nghề nghiệp và áp dụng phương pháp, kỹ năng thể dục thể thao đã học trên lớp.

9.47 Phương pháp xây dựng kế hoạch giáo dục thể chất trong trường phổ thông (MHP: 1120122): 2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch ca nhân, kế hoạch bài học, kế hoạch học kỳ, kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa, kế hoạch dự giờ đánh giá; xây dựng hồ sơ dạy học ở trường phổ thông, phương pháp sử dụng, bảo quản và bổ sung hồ sơ dạy học, kỹ năng ứng dụng CNTT trong xây dựng, bổ sung thông tin và lưu trữ hồ sơ dạy học.

9.48 Tuyển chọn và huấn luyện vận động viên thể thao trong trường học (MHP: 1120123): 3TC

Điều kiện tiên quyết: không

Chuyên đề trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận của tuyển chọn VĐV, cách thức tuyển chọn VĐV một số môn thể thao và phương pháp huấn luyện thể thao trong trường học. Trên cơ sở kiến thức trang bị giúp sinh viên nắm vững một cách toàn diện các tri thức cơ bản và kỹ năng thực tế trong việc triển khai tuyển chọn VĐV các đội tuyển, đặt nền móng cho việc tuyển chọn và huấn luyện các đội tuyển trong trường học sau này.

9.49 Giao tiếp sư phạm (MHP: 1120124): 2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Giao tiếp sư phạm là vấn đề cơ bản trong cải tiến phương pháp giảng dạy và giáo dục. Đó là một vấn đề thuộc về kỹ năng, nghiệp vụ đối với mỗi nhà giáo và cũng là một vấn đề mới mẻ, cách tiếp cận mới mẻ đối với sinh viên sư phạm và sinh viên theo học tập nghiệp vụ giảng dạy. Nội dung chủ yếu của học phần nhằm cung cấp những kiến thức bước đầu nhưng cơ bản nhất trong việc học tập nghiệp vụ của sinh viên. Trong ba nội dung học tập đó, sinh viên có được cái nhìn đúng đắn và sâu sắc hơn với nghề nghiệp mà mình lựa chọn, giúp cho sinh viên sư phạm cũng như sinh viên ngành giáo dục thể chất có đủ tự tin vào bản thân mình trong công tác giảng dạy sau này.

10 Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình:**10.1. Khối kiến thức chung**

STT	Đơn vị	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
1	Khoa GDCT&QLNN	<ul style="list-style-type: none"> • Những NL cơ bản CN MLN 1,2, • Tư tưởng Hồ Chí Minh, • Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành, • Đường lối Cách mạng VN
2	Khoa Ngoại ngữ	<ul style="list-style-type: none"> • Tiếng Anh 1 • Tiếng Anh 2 • Tiếng Anh 3
3	Khoa Công nghệ thông tin	<ul style="list-style-type: none"> • Tin học đại cương
4	Khoa Sinh - KTNN	<ul style="list-style-type: none"> • Giải phẫu và Sinh lý người
5	Khoa GDTC - QP	<ul style="list-style-type: none"> • Giáo dục quốc phòng - An ninh 1 • Giáo dục quốc phòng - An ninh 2 • Giáo dục quốc phòng - An ninh 3

10.2. Khối kiến thức chuyên ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
1	Mai Thế Anh	1976	Thạc sĩ Giáo dục học	Đo Lường TĐTT, Võ thuật
2	Lê Minh Tú	1982	Thạc sĩ Giáo dục học	BN, Lịch sử TĐTT, TCVD
3	Trương Hồng Long	1974	Thạc sĩ Giáo dục học	Đo Lường TĐTT, PP NCKH TĐTT, Võ thuật
4	Nguyễn Ngọc Sơn	1963	Tiến sĩ Giáo dục học	LL&PP GDTC, QL TĐTT, BC, PP XD kế hoạch GDTC
5	Nguyễn Thanh Hùng	1970	Thạc sĩ Giáo dục học	BC, QL TĐTT, Giao tiếp SP
6	Hồ Minh Mộng Hùng	1971	Thạc sĩ Giáo dục học	Sinh lý TĐTT, TCVD, SC, Võ
7	Nguyễn Thanh Ngọc	1978	Thạc sĩ Văn học	Quốc phòng
8	Ngô Thị Liên	1963	Thạc sĩ Giáo dục học	Vệ sinh, CL, LL&PP GDTC
9	Bùi Văn Kiên	1974	Thạc sĩ Giáo dục học	VT, Tuyển chọn VĐV, sinh lý TĐTT,
10	Hồ Ngọc Cường	1987	CN	ĐK, Cờ vua, Bơi lội
11	Thái Bình Thuận	1982	Thạc sĩ Giáo dục học	Đá cầu, Bóng đá
12	Bùi Trọng Duy	1982	Thạc sĩ Giáo dục học	BR, BN, PP XD KH GDTC
13	Nguyễn Thị Bắc	1963	Thạc sĩ Giáo dục học	ĐK, TD, TTTH

14	Hoàng Thị Thủy	1976	Thạc sĩ Giáo dục học	BL, Vệ sinh, TCVĐ
15	Vũ Đức Luân	1979	Cử nhân Văn học	Quốc phòng
16	Lê Anh Tuấn	1977	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Quốc phòng
17	Mai Văn Thông	1959	Thạc sĩ Giáo dục học	BB, LS TDTT
18	Trương Quốc Duy	1982	Thạc sĩ Giáo dục học	Bóng đá, Đá cầu
19	Nguyễn Sỹ Đức	1983	Thạc sĩ Giáo dục học	BR, Cờ vua
20	Nguyễn Trọng Thủy	1987	Thạc sĩ Giáo dục học	PPNCKH TDTT, CL, ĐC
21	Nguyễn Xuân Quắc	1970	Thạc sĩ Giáo dục học	YH TDTT, BN, TC&HLVĐV
22	Nguyễn Ngọc Châu	1988	Thạc sĩ Giáo dục học	TD, LL&PP TTTH, Sinh cơ

11 Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

11.1. Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính:

* Sân bãi.

- Sân Điền kinh bao gồm: đường chạy, hồ nhảy xa, sân đẩy tạ, sân nhảy cao, sân ném lao... .

- Sân bóng Đá (kích thước 64m x 100m), sân bóng Chuyên, sân bóng Rổ, sân bóng Ném, sân Cầu lông, sân Đá cầu.

- Bể bơi

- Nhà tập luyện và thi đấu TDTT

* Dụng cụ tập luyện.

Đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo về các mặt: số lượng, chủng loại, chất lượng.

11.2. Thư viện, giảng đường:

Đảm bảo về diện tích, phương tiện và thiết bị điện tử, dụng cụ phục vụ giảng dạy đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đổi mới phương pháp dạy học.

Phục vụ việc lưu trữ và tra cứu các tài liệu chuyên môn.

11.2. Giáo trình, tập bài giảng:

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1.	Lý luận và phương pháp TDTT trường học	Lê Văn Lãm Phạm Xuân Thành	TDTT	2008
2.	Vệ sinh thể dục thể thao	Lưu Quang Hiệp	TDTT	2001
3.	Bóng đá	Trần Đức Dũng	TDTT	2007
4.	Bóng ném	Nguyễn Hùng Quân	ĐHSP	2007
5.	Lịch sử thể dục thể thao	Nguyễn Xuân Sinh Lê Anh thơ	TDTT	2009

		Nguyễn Thị Xuyên		
6.	Bóng rổ	Nguyễn Hữu Bằng	ĐHSP	2010
7.	Quản lý thể dục thể thao	Trường Đại học TDTT 2	TDTT	2009
8.	Cầu lông	Trần Văn Vinh	ĐHSP	2010
9.	Cờ vua	Đàm Quốc Chính	ĐHSP	2010
10.	Điền kinh	Nguyễn Đại Dương	TDTT	2006
11.	Bóng chuyền	Đinh Văn Lãm Phạm Thế Vượng Đàm Chính Thống	TDTT	2006
12.	Lý luận và phương pháp thể dục thể thao	Nguyễn Toán Phạm Danh Tồn	TDTT	2006
13.	Y học thể dục thể thao	Lưu Quang Hiệp Lê Đức Chương Vũ Chung Thủy Lê Hữu Hưng	TDTT	2003
14.	Bóng bàn	Vũ Thành Sơn	ĐHSP	2010
15.	Sinh lý học thể dục thể thao	Lưu Quang Hiệp Phạm Thị Uyên	TDTT	2003
16.	Trò chơi vận động	Trần Đồng Lâm	ĐHSP	2010
17.	Thể dục	Trương Anh Tuấn	ĐHSP	2010
18.	Sinh cơ học thể dục thể thao	Bùi Quang Hải Nguyễn Đình Minh Quý	TDTT	2013
19.	Bơi lội	Nguyễn Văn Trạch	ĐHSP	2010
20.	Karatedo	Trần Tuấn Hiếu	TDTT	2001
21.	Taekwondo	Nguyễn Văn Chung	TDTT	1999
22.	GDQP - AN 1, 2, 3	Bộ giáo dục và Đào tạo	Giáo dục	2014
23.	Đo lường thể thao	Dương Nghiệp Chí	TDTT	2004
24.	Đá cầu	Đặng Ngọc Quang	ĐHSP	2010
25.	Nâng cao năng lực lập kế hoạch dạy học của giáo viên	Nguyễn Văn Tịnh Phạm Văn Hoan Nguyễn Sỹ Đức Nguyễn Trọng Sửu	ĐHSP	2008
26.	Giao tiếp sư phạm	Trường Đại học TDTT TP Hồ Chí Minh	TDTT	2011
27.	Tuyển chọn tài năng thể thao	Bùi Quang Hải	TDTT	2012

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

Chương trình được thiết kế với thời gian đào tạo 4 năm theo hệ thống tín chỉ. Nội dung chương trình gồm hai phần: khối kiến thức chung và phần kiến thức giáo dục chuyên ngành, chuyên sâu. Các học phần đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm tổng cộng gồm 35 tín chỉ bắt buộc sẽ được bố trí xen kẽ dần từ học kỳ 5 cho đến học kỳ thứ 8.

Để hoàn thành chương trình này sinh viên phải tích lũy đủ tổng cộng 140 tín chỉ, trong đó số tín chỉ dành cho các học phần bắt buộc là 76 tín chỉ và số tín chỉ dành cho các học phần tự chọn là 14 tín chỉ.

Chương trình được biên soạn theo hướng đổi mới phương pháp dạy học đại học phù hợp với xu thế phát triển của xã hội, thời gian cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở thực tập../

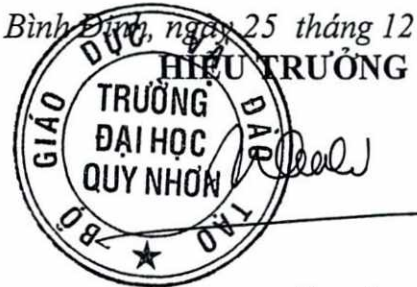
K^HTRƯỜNG KHOA TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
PTK

TS. Nguyễn Ngọc Sơn

TS. Lê Xuân Vinh

Bình Định, ngày 25 tháng 12 năm 2015



GS. TS. Nguyễn Hồng Anh